TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 01-02-2018
"V/v Tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Dũng và ông Nguyễn Quang Liêu.

- Thư ký phiên tòa: bà Ninh Thị Nguyên Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: ông Lương Xuân Duyên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 203/2017/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 07 năm 2017, về việc tranh chấp "Ly hôn" Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2017/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa:

- *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị V, sinh năm: 1983

- *Bị đơn*: anh Bùi Văn L, sinh năm: 1979

Cùng trú tại: Thôn 7, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh L chung sống với nhau từ năm 2000 và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã C, huyện C1, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vào cuối năm 2013. Nguyên nhân do chị và anh L không thống nhất về làm ăn kinh tế, dẫn đến vợ chồng chị thường xuyên cãi vã, nhiều lần xảy ra xô xát. Chính quyền địa

phương nhiều lần lập biên bản về việc xô xát giữa chị và anh L. Không thể chung sống với anh L nên chị và anh L đã sống ly thân từ giữa năm 2016 cho đến nay. Hiện nay, chị thấy không còn tình cảm với anh L, mâu thuẫn nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- Về con chung và cấp dưỡng: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh L đã được Tòa án thực hiện cấp, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh L vắng mặt trong suốt giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ, thuận tình ly hôn cho chị V và anh L được.

- Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phần tranh luận. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chị V được ly hôn với anh L. Về con chung và cấp dưỡng, tài sản: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị được ly hôn với anh L. Hiện nay bị đơn anh L cư trú tại thôn 7, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa chị V và anh L là tranh chấp về hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh L tự nguyện chung sống từ năm 2000 có đăng ký kết hôn vào ngày 06/8/2004 tại ủy ban nhân dân xã C, huyện C1, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh Ly là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị V cho rằng giữa chị và anh L nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do là do chị và anh L chung sống không hòa hợp, mâu

thuẫn về kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả, nhiều lần xảy ra xô xát lẫn nhau nên hạnh phúc gia đình không có. Chị và anh L đã sống ly thân liên tục từ năm 2016 cho đến nay. Phía bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án không có lý do chính đáng, như vậy bị đơn anh L đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Mặt khác, mâu thuẫn giữa chị V và anh L có những người làm chứng là các anh Bùi Văn Khâm, Bùi Khắc Vũ, Phạm Hữu Kỳ là Công an viên nơi cư trú của anh L chị V đều đã xác nhận giữa chị V và anh L nhiều lần xảy ra cãi vã và xô xát với nhau, nhiều lần Công an viên của thôn đến lập biên bản về việc xô xát giữa anh L chị V. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh L là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị V và anh L đã sống ly thân một khoảng thời gian, trong thời gian sống ly thân thì bản thân anh chị không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của chị V là được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: không có.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị V phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57 củaLuật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V. Chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh L.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo

Biên lai số 0021393 ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà